SỞ XÂY DỰNG HÀ TĨNH
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HÀ TĨNH

Số: 37 /TTKĐ-HC,TH&TN
V/v công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên nghành xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở xây dựng Hà Tĩnh;
- Chủ đầu tư; Ban quản lý dự án; Tư vấn thiết kế; Tư vấn giám sát; Nhà thầu thi công; Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ nghị định số 62/2016/ND-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ nghị định số 35/2023/ND-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ nghị định số 14/2026/ND-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Công văn số 327/SXD-HĐXD4 ngày 19/01/2026 của Sở Xây dựng Hà Tĩnh về việc triển khai thực hiện quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Hà Tĩnh công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1.1 Tên tổ chức: **TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HÀ TĨNH**

Thành lập theo Quyết định số 43/QĐ-UB-NV ngày 27/5/2005 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, kiện toàn theo Quyết định số: 1402/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh;

Địa chỉ: Số 10 ngõ 178 đường Trần Phú, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh

Đại diện: Ông Nguyễn Khánh Trà Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0913294021 Email: nguyenkhanhtrasxd@gmail.com

Mã số thuế: 3000372860 Website: https://trungtamkiemdinhxdhatinh.vn

1.2 Thông tin phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

Địa chỉ: Số 10 ngõ 178 đường Trần Phú, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh

Trưởng phòng: Ông Nguyễn Văn Dũng

Điện thoại: 0919652378 Email: nguyenvandungkdht@gmail.com

(Kế thừa năng lực thí nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm chuyên nghành xây dựng LAS-XD 25.003 do Sở Xây dựng cấp tại giấy chứng nhận số 2405/GCN-SXD ngày 01/8/2024)

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; Tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**XI MĂNG**			
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	- Sàng(0,09mm; 0,045mm) - Cân kỹ thuật (0.01g), - Tủ sấy - Bình khối lượng riêng, chậu nước, - Dầu hoả	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; TCVN 3736:1982 AASHTO T106:11	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), - Bàn dằn tạo mẫu, - Máy thử độ bền uốn và nén, gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén.	
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0.01g), ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây , khuôn chứa mẫu.	
II	**BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**			
4.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; AASHTO T119:05 ; ASTM C143:03	- Côn thử độ sụt, - Que chọc, - Phễu đổ hỗn hợp, - Thước lá kim loại.	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
5.	Xác định độ cứng Vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022	- Côn thử độ sụt, - Que chọc, - Phễu đổ hỗn hợp, - Thước lá kim loại.	
6.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993;	- Cân kỹ thuật (0,5g), - Thước lá kim loại, - Thùng kim loại hình trụ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			- Thiết bị đầm	
7.	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; AASHTO T158:05; ASTM C232:99;	Khuôn đúc mẫu; Bàn rung hoặc bàn dằn; Thanh thép tròn đường kính 16mm, dài 600mm, Cân kỹ thuật (0,5g) Sàng kích thước mắt 5mm. Thước lá kim loại. Tủ sấy Khay sắt. Thùng kim loại hình trụ Ống đong Giấy thấm Dụng cụ xúc mẫu	
8.	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022;	- Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác 100ml - Cân kỹ thuật (0,1g), - Búa con, cối chày, - Bình hút ẩm, - Tủ sấy, - Sàng 2 hoặc 2,5mm, - Nước lọc, dầu hoả, cồn 90°.	
9.	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022;	- Cân kỹ thuật (5g). - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy, - Khăn lau mẫu	
10.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; AASHTO T22:06; ASTM C39-04	- Máy nén - Thước lá kim loại - Đệm truyền tải	
11.	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; AASHTO T97:03 ASTM C78:02	- Máy thử uốn - Thước lá kim loại	
12.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	- Bình hút ẩm; - Cân kỹ thuật (0.01g); - Thước lá kim loại; - Tủ sấy; - Túi bóng kín	
13.	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:2022	- Máy nén - Gối truyền tải. - Đệm gỗ	
14.	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022	- Thiết bị thí nghiệm hàm lượng bọt khí chuyên dụng	
15.	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022	- Máy thử thấm và phụ kiện - Khuôn đúc mẫu	
16.	Xác định cường độ lăng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	- Máy nén - Khung đo biến dạng - Đồng hồ thiên phân kế	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
17.	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2022	- Lực kế và kim xuyên - Khuôn chứa mẫu - Sàng 5mm - Que chọc và bơm tiêm (hút nước tách bề mặt bê tông)	
III	**CỐT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG, VỮA VÀ CẤP PHỐI ĐÁ DĂM**			
18.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; AASTHO T27:06; ASTM C136:05	- Cân kỹ thuật (0.1g) - Bộ sàng tiêu chuẩn - Tủ sấy.	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
19.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C128:97; AASHTO T84:04	- Cân kỹ thuật (0.1g) - Tủ sấy; - Bình dung tích, bằng thuỷ tinh (1,05 lít đến 1,5 lít)và có tấm nắp đậy kín khí;	
20.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006;	- Cân kỹ thuật (0.1g) - Giỏ cân thuỷ tĩnh; - Thùng ngâm mẫu - Khăn thấm nước - Thước kẹp; - Bàn chải sắt; - Tủ sấy.	
21.	Tỷ trọng khối cốt liệu	AASHTO T84-00 (2004); ASTM C 128-97; AASHTO T 85-2000 ASTM C 127-88 (1993)	Cân kỹ thuật, Giỏ cân thuỷ tĩnh, tủ sấy	
22.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006 ASTM C29:03 AASHTO T19:04	- Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1l; 2l; 5l; 10l và 20l - Cân kỹ thuật (0.01g) - Phễu chứa vật liệu ; - Bộ sàng tiêu chuẩn - Tủ sấy - Thước lá kim loại; - Thanh gỗ/sắt thẳng	
23.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ASTM C566:04 AASHTO T255:04	- Cân kỹ thuật (0.01g) - Tủ sấy; - Dụng cụ đảo mẫu - Khay	
24.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 - AASHTO T 112-00 (2004) ASTM C 142-97	- Cân kỹ thuật (0.01g) - Tủ sấy; - Thùng rửa cốt liệu ; - Đồng hồ bấm giây; - Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch;	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			- Que hoặc kim sắt nhỏ.	
25.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 ASTM C40:04 AASHTO T21:05	- Ống thủy tinh, dung tích 250 ml và 100 ml; - Cân kỹ thuật (0.01g) - Bếp cách thủy; - Sàng 20 mm; - Thang màu để so sánh; - Thuốc thử: dd NaOH 3%;	
26.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	- Máy nén; - Máy khoan và cắt đá; - Máy mài nước; - Thước kẹp; - Thùng/chậu để ngâm mẫu.	
27.	Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	- Máy nén - Xi lanh bằng thép, có đáy rời - Cân kỹ thuật (0.5g) - Sàng 2,5mm; - Tủ sấy; - Thùng ngâm mẫu.	
28.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006	- Máy Los Angeles, - Bi thép (8-:-12 viên) - Cân kỹ thuật (0,5g) - Sàng 1,7 mm; - Tủ sấy;	
29.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	- Cân kỹ thuật (0,1g) - Thước kẹp - Bộ sàng tiêu chuẩn - Tủ sấy;	
30.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006 - AASHTO T 112-00 (2004) ASTM C 142-97	- Cân kỹ thuật (0.01g) - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn - Kim sắt, kim nhôm - búa con	
31.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	- Cân kỹ thuật (0.01g) - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn - Giấy nhám khổ 330x210mm - Đũa thủy tinh	
32.	Xác định hệ số (ES)	AASHTO T176:02	- Cân kỹ thuật (0.01g) - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn - Bộ thiết bị thí nghiệm phù hợp	
33.	Xác định hàm lượng hạt bị dập vỡ	TCVN 7572-18:2006	- Cân kỹ thuật (0.01g) - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn - Kim sắt, kim nhôm	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
34.	Xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012	Bộ thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên của đất rời	
35.	Hàm lượng hạt lọt qua sàng có kích thước lỗ sàng 0.075mm, xác định bằng phương pháp rửa.	TCVN 9205:2012; AASHTO T11:05; ASTM C117:03	- Cân kỹ thuật (0.01g) - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn	
36.	Xác định góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	- Ống đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép; Tủ sấy Cân kỹ thuật	
37.	Xác định góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN11807:2017	Thùng đong bằng kim loại Phểu bằng kim loại Giá đỡ Tấm kính Khay Thanh gạt Cân kỹ thuật Tủ sấy	
IV	**ĐẤT, ĐÁ DĂM TRONG PHÒNG**			
38.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	- Dầu hoả, - Bơm + bình hút chân không - Cân kỹ thuật (0.01g), - Bình tỷ trọng (100cm^3), - Cối chày sứ (đồng), - Sàng 2mm, - Bếp cát, - Tủ sấy; - Tỷ trọng kế, - Thiết bị ổn nhiệt, - Hộp nhôm có nắp	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
39.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	- Tủ sấy - Cân kỹ thuật (0.01g), - Hộp nhôm có nắp, - Bình hút ẩm, - Sàng (1mm), - Cối và chày sứ, - Khay	
40.	Xác đinh giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 AASHTO T89-10; AASHTO T90-00 (2010)	- Các tấm kính nhám, - Sàng (1mm), - Cối và chày sứ - Cân kỹ thuật (0.01g), - Hộp nhôm có nắp, - Tủ sấy, - Bát sứ tráng men, - Dao để trộn	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			- Dụng dụ Casagrande	
41.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T88-00 (2010)	- Cân kỹ thuật (0.01g), - Bộ sàng - Cối và chày sứ, - Tủ sấy, - Bình hút ẩm, - Quả lê bằng cao su, - Dao con, Cân (1g), -Tỷ trọng kế - Bình đong - Nhiệt kế (0,5°C), - Que khuấy, - Đồng hồ bấm giây,	
42.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:1995	- Máy cắt phẳng ứng biến - Đồng hồ đo biến dạng, - Vòng đo lực ngang, - Quả cân ($0,1.10^5 N/m^2$ ....1.10^5 N/m^2)	
43.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	- Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng), - Các dụng cụ khác: Mẫu chuẩn bằng kim loại, - Dao gọt đất, - Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, - Tủ sấy, - Cân kỹ thuật (0.01g), - Đồng hồ đo biến dạng - Quả cân	
44.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 TCVN 10322:14	- Dao vòng bằng kim loại - Thước kẹp, - Dao cắt, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Các tấm kính, - Hộp nhôm có nắp, - Tủ sấy, - Bình hút ẩm	
45.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020	- Máy nén CBR, - Chày đầm cải tiến , - Cối CBR, - Tấm đệm, - Tấm đo – Trương nở, - Đồng hồ đo trương nở, - Giá đỡ thiên phân kế, - Tấm gia tải	
46.	Xác định cường độ kéo ép chẻ của vật liệu liên kết	TCVN 8862:2011	- Máy nén 30KN, - Khuôn ép chẻ - Tủ sấy; bể ngâm mẫu	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	bằng các chất kết dính			
47.	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020 TCVN 8721:2012 TCVN 4201:2012	- Bộ cối chày đầm - Cân; - Chậu, bay trộn	
48.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012	- Cân kỹ thuật (0.5g) - Khay đựng và ủ mẫu - Chày đầm tiêu chuẩn, - Khuôn chứa mẫu - Thiết bị thử thấm	
49.	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Bộ thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên của đất rời	
50.	Xác định modul đàn hồi vật liệu	TCCS 38 : 2022/TCĐBVN	- Máy nén một trục - Bộ cối đầm - Khuôn…	
51.	Gia cố đất yếu – Trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012	- Máy nén - Dao gọt đất, - Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, - Tủ sấy, - Cân kỹ thuật (0.01g),	
V	**THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**			
52.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	TCVN 12791:2020 TCVN 8729:2012	- Dao đai tròn bằng thép hay đồng (100 đến 200cm^3), - Cân kỹ thuật (0.5g) - Dao gạt đất lưỡi phẳng, - Hộp nhôm, - Chảo sấy - Búa đóng loại 0,5kg	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
53.	Xác định độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006 TCVN 8730:2012 AASHTO T191-02 (2010)	- Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, đế định vị). - Cát chuẩn - Cân 15kg (0.5g). - Cồn/ bếp ga - Các dụng cụ khác (dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi)	
54.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước dài 3m (nhẹ, đủ cứng, độ võng <0,5mm, bằng hợp kim nhôm hay gỗ tốt), nêm bằng kim loại có khắc vạch mm	
55.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	- Cát chuẩn - Ống đong cát - Bàn xoa cát hình tròn -Bàn chải sắt và bản chải lông mềm	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			- Cân có độ sai số 0,1g - Tấm chắn gió	
56.	Xác định modul đàn hồi "E" của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép cứng chuyên dùng; kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế. Xe chất tải.	
57.	XĐ môđun đàn hồi "E"chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011	- Cần Benkenman; Xe chất tải	
58.	Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012	- Súng bật nẩy.	
59.	Bê tông nặng – Phương pháp thử không phá huỷ - Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy	TCVN 9335:2012	- Máy đo siêu âm - Súng bật nẩy.	
60.	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí, đường kính thanh cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	Máy đo siêu âm cốt thép	
61.	Phương pháp không phá hủy – Đánh giá chất lượng bê tông bằng xung siêu âm	TCVN 9357:2012	- Máy đo siêu âm	
62.	Cọc khoan nhồi – Xác định tính đồng nhất của bê tông bằng phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012	Máy đo siêu âm cọc khoan nhồi	
63.	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế.	
64.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử	TCVN 9351:2012	Máy khoan địa chất, bộ dụng cụ SPT …	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	nghiệm SPT)			
65.	Xác định cường độ nén của bê tông, xi măng khoan từ cấu kiện công trình	TCVN12252:2022; TCXDVN 239:06; TCVN 3118:2022	Máy khoan mẫu, máy cắt mẫu, máy nén 30T	
66.	Cọc – Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Bộ thiết bị: Kích, bơm và hệ thống thuỷ lực; đồng hồ áp, đồng hồ so; Hệ thống đối trọng dầm, tải, neo…	
67.	Xác định sức chịu tải của đất nền	ASTM D1194-94	- Bộ thiết bị thí nghiệm: Tấp nén, kích, đồng hồ đo	
68.	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011	- Bộ thiết bị thí nghiệm CBR hiện trường	
VI	**KIM LOẠI, LIÊN KẾT HÀN**			
69.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 JIS Z2241:2022	- Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu; - Thước kẹp - Cân kỹ thuật; - Thước lá kim loại.	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
70.	Thử uốn	TCVN 198:2008 JIS Z2248:2022	Máy kéo, nén vạn năng và phụ kiện (Kính lúp, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	
71.	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo, nén vạn năng, máy kéo uốn đầu búa uốn các cỡ,...	
72.	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010	- Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu; - Thước kẹp; - Cân kỹ thuật (0,1g); - Thước lá kim loại.	
73.	Thử kéo bulong	TCVN 1916:1995	Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, bộ ngàm kẹp;	
74.	Kiểm tra chất lượng hàn ống – Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010	- Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu; - Thước kẹp; - Cân kỹ thuật (0,1g); - Thước lá kim loại.	
75.	Thử kéo mối hàn kim loại- Thử kéo ngang	TCVN 8310: 2010	- Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu; - Thước kẹp; - Cân kỹ thuật (0,1g); - Thước lá kim loại.	
76.	Thử kéo mối hàn kim loại- Thử kéo dọc	TCVN 8311: 2010	- Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu; - Thước kẹp;	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			- Cân kỹ thuật (0,1g); - Thước lá kim loại.	
77.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp siêu âm	TCVN6735:2000, JIS Z3060, AWSD1.1:08, BS 3923:86	- Máy siêu âm mối hàn	
VII	**VỮA XÂY DỰNG**			
78.	Xác định độ linh động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	- Cân kỹ thuật (0.1g) - Bay, chảo trộn mẫu/ máy trộn vữa; - Thiết bị thí nghiệm độ linh động	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
79.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	- Cân kỹ thuật (0.5g) - Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít	
80.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	- Môi, thìa xúc bằng thép; - Thùng chứa, bay, dao - Cân kỹ thuật (0.5g); - Máy trộn.	
81.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	- Khâu đựng vữa hình côn; - Kim đâm xuyên; - Vòng đệm có đường kính ngoài 20mm; - Cơ cấu đòn bẩy tạo lực ấn kim đâm xuống mẫu thử; - Đồng hồ bấm giây; - Phòng/thùng dưỡng hộ - Bay, chảo,…	
82.	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	- Cân kỹ thuật (0.1g) - Tủ sấy - Thước kẹp; - Cân thuỷ tĩnh.	
83.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022	- Khuôn bằng kim loại - Chày đầm mẫu - Thùng bảo dưỡng mẫu - Tấm kính, có diện tích đủ lớn để đậy kín khuôn; - Máy thử uốn - Máy nén phù hợp	
84.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022	- Cân kỹ thuật (0.5g); - Thùng ngâm mẫu; - Tủ sấy; - Khăn lau mẫu.	
85.	Xác định độ lưu động của vữa bơm	ASTM –C939	Phễu đo độ chảy Đồng hồ bấm giây Ca nhựa	
VIII	**GẠCH ĐẤT SÉT NUNG**			
86.	Xác định kích thước và khuyết	TCVN 6355:2009	Máy cưa cắt mẫu; dụng cụ làm phẳng mẫu; Máy nén,	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	tật ngoại quan; Cường độ nén, uốn; Độ hút nước; Khối lượng thể tích; Độ rỗng; Sự thoát muối; Vết tróc do vôi		thước kỹ thuật; Tủ sấy; thùng ngâm mẫu; cân kỹ thuật có thể cân thủy tĩnh, thùng chứa mẫu khi cân.	- Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
IX	**GẠCH BÊ TÔNG**			
87.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Độ rỗng; Cường độ chịu nén; Độ thấm nước; Độ hút nước	TCVN 6477:2016	Máy cưa cắt mẫu; dụng cụ làm phẳng mẫu; Máy nén, thước kỹ thuật; Tủ sấy; thùng ngâm mẫu; cân	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
X	**GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN**			
88.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén; Độ hút nước; Độ mài mòn	TCVN 6476:1999	Dụng cụ làm phẳng mẫu, Máy nén, máy mài mòn, thước kỹ thuật; Tủ sấy, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật.	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
XI	**GẠCH TEZARO**			
89.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Độ hút nước; Độ bền uốn; Độ chịu mài mòn; Hệ số ma sát	TCVN 7744:2013	Dụng cụ làm phẳng mẫu, Máy nén, thước kỹ thuật, Tủ sấy, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật.	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
XII	**GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN**			
90.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn; độ hút nước; tải trọng uốn gãy; độ hút nước; độ chịu lực va đập xung kích	TCVN 6065:1995	Máy cưa cắt mẫu; dụng cụ làm phẳng mẫu; Máy nén, thước kỹ thuật; Tủ sấy; thùng ngâm mẫu; cân kỹ thuật có thể cân thủy tĩnh, thùng chứa mẫu khi cân. Bộ đo độ cứng	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu - Phan Lê Quý
XIII	**GẠCH GRANITO**			
91.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn và độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995	Máy cưa cắt mẫu; dụng cụ làm phẳng mẫu; Máy nén, thước kỹ thuật; Tủ sấy; Bộ đo độ cứng	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
XIV	**ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN**			
92.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan: Độ hút nước; Khối lượng thể tích; Độ bền uốn; Độ chịu mài mòn bề mặt, cường độ chịu nén, độ bền va đập	TCVN 4732:2016 TCVN 7572-10:2006	Máy cắt mẫu, Cân kỹ thuật, tủ sấy, Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, giỏ đựng mẫu, Máy nén 30T, gối uốn, Máy kiểm tra độ mài mòn đá tự nhiên	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
XV	**BỘT KHOÁNG**			
93.	Xác định thành phần hạt, độ ẩm	22TCN 58:1984 TCVN 12884-2:2020	Bộ sàng tiêu chuẩn Cân kỹ thuật (0,1g); Bát sứ; Bình đựng nước (6-10l); Bình hút ẩm.	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
94.	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012	- Các tấm kính nhám, - Sàng (1mm), - Cối và chày sứ - Cân kỹ thuật (0.01g), - Hộp nhôm có nắp,	
95.	Lượng mất khi nung	22TCN 58:1984	Lò nung 1000°C, chén sứ, bình hút ẩm.	
96.	Xác định khối lượng riêng	22TCN 58:1984 TCVN 8735:2012	Bình khối lượng riêng (100-500cm^3); Cân kỹ thuật (0.01g); Máy hút chân không; Bình để rửa; Tủ sấy, Nhiệt kế; Sàng (1,25 và 0,14mm); Bát sứ; Bình hút ẩm;	
97.	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984	- Khuôn để xác định khối lượng thể tích; - Cân kỹ thuật (0.01g); - Khay đựng; - Dao gạt bằng; - Chổi lông mềm.	
98.	Hệ số háo nước	22 TCN 58:1984 TCVN 12884-2:2020	- Cân kỹ thuật (0,01g); - Khay đựng mẫu; - Dao gạt bằng, - Chổi lông mềm; - Tủ sấy; - Bát sứ; - Nước cất.	
99.	Xác định khối lượng riêng của	22 TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng (100-50cm^3);	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường		Cân kỹ thuật (0.01g); Máy hút chân không; Bình để rửa; Tủ sấy, Nhiệt kế; Sàng (1,25 và 0,14mm); Bát sứ; Bình hút ẩm;	
100.	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	- Khuôn để xác định khối lượng thể tích; - Cân kỹ thuật 0,5g - Khay đựng mẫu; - Dao gạt bằng; - Chổi lông mềm...	
101.	Xác định hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng (100-500cm^3); Cân kỹ thuật (0.01g); Máy hút chân không; Bình để rửa; Tủ sấy, Nhiệt kế; Sàng (1,25 và 0,14mm); Bát sứ; Bình hút ẩm.	
102.	Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
103.	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng (100-500cm^3); Cân kỹ thuật (0.01g); Tủ sấy, Nhiệt kế; Bát sứ; Bình hút ẩm.	
104.	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58:1984 TCVN 7572-7:2006	- Cân kỹ thuật (0.01g) - Hộp ẩm; - Dao gạt bằng, - Chổi lông mềm; - Tủ sấy;	
XVI	**NHỰA BITUM; NHỰA ĐƯỜNG LỎNG**			
105.	Xác định độ kim lún và tỷ lệ độ kim lún còn lại so với độ kim lún ban đầu ở 25oC Chỉ số kim lún PI	TCVN 7495:2005 Phụ luc A – TCVN 13567-1:2022	- Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g; - Đồng hồ bấm dây, nhiệt kế; - Chậu nhôm đáy phẳng (Φ55, cao 35mm); - Bình chứa cốc mẫu (≥Φ90, cao ≥55mm); - Chậu đựng nước (15l); - Bếp ga hoặc bếp điện;	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			- Thiết bị điều hòa nhiệt trong phòng.	
106.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	- Máy kéo dài (5cm±0,5cm/ph); - Khuôn bằng đồng; - Nhiệt kế; - Chậu đựng nước (15l); - Bếp ga, bếp điện - Dao cắt, gọt nhựa.	
107.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005	-Khuôn tròn có đk trong Φ15.9 ± 3mm cao 6.4±4mm để chứa nhựa đường; -Bi thép (Φ9,5±0,03mm), nặng 3,5±0,05g, -Khuôn treo; -Vòng dẫn hướng của bi thép -Bình thuỷ tinh 800ml; - Dao cắt, dùng căt nhựa; - Nhiệt kế - Bếp ga hoặc bếp điện -Dụng cụ và hóa chất cần dùng: + Ethylene glycol + Vadơlin + Nước đá.	
108.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005 TCVN 8818-2:2011	- Gía có vòng đỡ mẫu; -Cốc mẫu bằng đồng ĐK trong Φ63 ±1mm Chiều sâu 33 ± 1mm; - Nhiệt kế; - Đồng hồ bấm giây; - Bình ga gia nhiệt.	
109.	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:05	- Giá quay tổn thất 5v/p, - Tủ sấy, hộp nhôm	
110.	Xác định tỷ lệ khối lượng nhựa đường sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h so với khối lượng ở 25°C	22TCN 279:01	Dùng dụng cụ của phương pháp 1.Phương pháp thí nghiệm xác định độ kim lún của nhựa đường; 2. Phương pháp thí nghiệm lương tổn thất sau khi đun nóng nhựa đường ở 163°C trong 5 giờ. Sau đó giữ lại mẫu nhựa để xác định độ kim lún sau khi đun.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
111.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005;	- Bình tỷ trọng, chậu ổn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh, nước cất đã khử ion.	
112.	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504 : 2005	Giá treo bám dính, đồng hồ bấm giây, cốc chứa nhựa..	
113.	Độ đàn hồi	TCVN 11194:2017	Máy kéo dài (5cm±0,5cm/ph); - Khuôn bằng đồng; - Nhiệt kế; - Chậu đựng nước (15l); - Bếp ga hoặc bếp điện - Dao cắt, gọt nhựa.	
114.	Độ hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2005	Cân kỹ thuật Tủ sấy Cốc thử và lưới lọc thủy tinh Bình tam giác có vòi Nút cao su Ống cao su Hóa chất Tricloetylen Bình hút ẩm	Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
XVII	**NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG**			
115.	Độ nhớt Saybolt – Furol ở 50^0C	TCVN 8817-2:2011	Nhớt Saybolt – Furol Phễu lọc Nhiệt kế Bể ổn nhiệt Pipet Bình đong Bình thủy tinh hình trụ Đồng hồ bấm giây	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
116.	Nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2	Bể gia nhiệt Cốc mẫu Nguồn nhiệt Mồi lửa Thước chuẩn Nhiệt kế Chất lỏng gia nhiệt	
117.	Hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011	Bình chưng cất Thiết bị gia nhiệt Ống ngưng Ống hứng Dung môi	
118.	Thí nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011	Bình chưng cất Ống ngưng Ống dẫn hướng Nguồn nhiệt Ống thu Hộp kim loại	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Nhiệt kế	
119.	Độ kéo dài ở 25^0C	TCVN 7496:2005	- Máy kéo dài (5cm±0,5cm/ph); - Khuôn bằng đồng; - Nhiệt kế; - Chậu đựng nước (15l); - Bếp ga, bếp điện - Dao cắt, gọt nhựa.	
120.	Độ kim lún ở 25^0C	TCVN 7495:2005	Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g; - Đồng hồ bấm dây, nhiệt kế; - Chậu nhôm đáy phẳng (Φ55, cao 35mm); - Bình chứa cốc mẫu (≥Φ90, cao ≥55mm); - Chậu đựng nước (15l); - Bếp ga hoặc bếp điện; - Thiết bị điều hòa nhiệt trong phòng.	
121.				
122.	Độ hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2005	Cân kỹ thuật Tủ sấy Cốc thử và lưới lọc thủy tinh Bình tam giác có vòi Nút cao su Ống cao su Hóa chất Tricloetylen Bình hút ẩm	Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
XVIII	**BÊ TÔNG NHỰA**			
123.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	- Máy nén Marshall; - Khuôn gá kiểu Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy; - Nhiệt kế; - Bình ổn định nhiệt.	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
124.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011	- Máy chiết li tâm; - Tủ sấy; - Bếp cát; - Lò nung - Chén sứ; - Giấy lọc; - Các dung môi hoà tan nhựa đường	
125.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	- Bộ sàng tiêu chuẩn - Cân kỹ thuật (0.5g); - Bát sứ; - Chậu rửa;	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			- Tủ sấy;	
126.	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông Nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	- Bình tỉ trọng kế (250 hay 500cm^3; - Cân kỹ thuật (0.01g); - Máy hút chân không; - Chậu rửa; - Nước cất;	
127.	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của BTN đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	- Cân kỹ thuật (0.01g) - Chậu men (thủy tinh 2-3l); - Đúc sẵn 3 mẫu trong khuôn.	
128.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	- Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại bền nhiệt; - Cân kỹ thuật 0.1g; - Dụng cụ trộn.	
129.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2017	- Ống đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép; - Cân kỹ thuật 0.1g.	
130.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	- Cân kỹ thuật 0.1g - Chậu đáy bằng (8-10l cao 150mm), - Nhiệt kế; - Bình ổn định nhiệt.	
131.	Phương pháp xác định độ rỗng dư và độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-9:2011 TCVN 8860-10:2011	- Bình tỉ trọng kế (250 hay 500cm^3; - Cân kỹ thuật (0.01g); - Máy hút chân không;	
132.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	- Bình tỉ trọng kế (250 hay 500cm^3; - Cân kỹ thuật (0.01g); - Máy hút chân không;	
133.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	- Bình tỉ trọng kế (250 hay 500cm^3; - Cân kỹ thuật (0.01g); - Máy hút chân không;	
134.	Xác định hàm lượng vật liệu lọt sàng 75 µm (số 200) bằng phương pháp rửa	AASHTO-T11	- Sàng 0,075; - Cân kỹ thuật (0.01g); - Tủ sấy;	
135.	Thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa nóng – PP thiết kế	TCVN 13567:2022 TCVN 8820:2011; TCVN 8819:2011		
136.	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các	TCVN 8862:2011	- Máy nén 30t; - Cân kỹ thuật (0.01g); - Giá ép chẻ;	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	chất kết dính			
XIX	**ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH**			
137.	Xác định đầm nén chặt	22TCN59-84	- Bộ cối đầm chặt - Cân kỹ thuật (0,01g) - Chảo,	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
138.	Xác định cường độ kháng ép	22TCN59-84	- Máy nén 30t - Bộ gá ép	
139.	Xác định mô đun đàn hồi	22TCN59-84	- Máy nén 30t - Bộ gá ép	
140.	Xác định cường độ kháng kéo	22TCN59-84	- Máy nén 30t - Bộ gá ép	
141.	Xác định độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hòa - sấy	22TCN59-84	- Cân kỹ thuật (0,01g) - Chảo, - Tủ sấy	
142.	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	TCVN 9843:2013	- Máy nén 30t - Bộ gá ép	
143.	Xác định cường độ khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011	- Máy nén 30t - Bộ gá ép	
XX	**BENTONITE**			
144.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Hộp cân - Quả cân - Thang đo - Bầu chứa betonite - Nắp đậy	- Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Thái Quỳnh - Trần Mạnh Hùng - Trần Thị Mai Hương - Phan Từ Giang - Nguyễn Khắc Hiếu
145.	Độ nhớt	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Phễu côn - Đồng hồ bấm giây - Ca chia vạch 1000ml - Ca chưa dung dịch	
146.	Hàm lượng cát	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Phễu côn, lưới rây Bình đo bằng thủy tinh Nước sạch	
147.	Độ pH	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Giấy quỳ tím, bảng so màu	

2.2 Danh mục máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy kéo uốn thép 100 tấn WE-1000E	Máy	2	
2	Máy nén bê tông 200 tấn	Chiếc	2	
3	Máy nén bê tông 300 tấn	Chiếc	1	
4	Máy nén xi măng	Chiếc	1	
5	Máy cắt gia công mẫu thí nghiệm	Chiếc	2	
6	Khuôn CBR	Bộ	6	
7	Khuôn + chày đầm chặt tiêu chuẩn	Bộ	2	
8	Khuôn + chày đầm chặt cải tiến	Bộ	2	
9	Dao vòng đo độ chặt của đất + búa đóng	Bộ	2	
10	Phễu kiểm tra độ chặt của đất (Phễu rót cát)	Bộ	3	
11	Dụng cụ đo giới hạn chảy của đất(casagrander)	Bộ	1	
12	Cối chày đồng	Bộ	1	
13	Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g	Chiếc	2	
14	Cân kỹ thuật độ chính xác 1g	Chiếc	4	
15	Tỉ trọng kế xác định thành phần hạt của đất	Bộ	2	
16	Cối chày sứ	Bộ	2	
17	Bình hút ẩm	Bộ	1	
18	Bình giữ ẩm	Bộ	1	
19	Bình tam giác bộ nhỏ	Chiếc	3	
20	Côn kiểm tra độ ẩm của cát	Bộ	1	
21	Khay đựng vật liệu cỡ lớn	Chiếc	10	
22	Tấm kính nhám (Đo độ dẻo của đất)	Chiếc	1	
23	Máy nén CBR	Chiếc	2	
24	Sàng cốt liệu nhỏ	Bộ	2	
25	Sàng cốt liệu lớn (mắt tròn)	Bộ	1	
26	Sàng cốt liệu lớn (mắt vuông)	Bộ	1	

27	Xi lanh kiểm tra độ nén đập của cốt liệu lớn	Bộ	2	
28	Dụng cụ vica đo độ dẻo, thời gian đông kết của xi măng	Bộ	1	
29	Khuôn đo độ trương nở của xi măng	Bộ	1	
30	Đồng hồ đo nhiệt độ nhựa đường	Chiếc	2	
31	Bộ đo đương lượng của cát	Bộ	1	
32	Dụng cụ chia mẩu cốt liệu	Bộ	2	
33	Máy lắc sàng	Chiếc	1	
34	Bàn rung đúc mẫu bê tông	Chiếc	1	
35	Máy trộn hồ xi măng	Chiếc	1	
36	Bàn dằn xi măng	Chiếc	1	
37	Tủ hấp chưng mẫu xi măng	Chiếc	1	
38	Bàn dằn đúc mẫu vữa	Chiếc	1	
39	Côn xác định độ chảy của vữa	Bộ	1	
40	Dụng cụ đo độ sụt bê tông	Bộ	2	
41	Dụng cụ đo khối lượng thể tích xốp của cốt liệu nhỏ	Bộ	1	
42	Dụng cụ đo khối lượng thể tích xốp của cốt liệu lớn	Bộ	1	
43	Dụng cụ xác định hàm lượng bụi bùn sét của cốt liệu nhỏ	Chiếc	1	
44	Dụng cụ xác định hàm lượng bụi bùn sét của cốt liệu lớn	Chiếc	1	
45	Dụng cụ đo độ lưu động của vữa tươi	Bộ	1	
46	Thùng chứa xác định khối lượng thể tích xốp của cốt liệu lớn và cốt liệu nhỏ	Bộ	1	
47	Khuôn đơn đúc mẫu bê tông 15x15x15	Chiếc	43	
48	Khuôn đúc mẩu xi măng 4x4x16	Bộ	8	
49	Khuôn đúc mẩu vữa: 7,07x 7,07x 7,07	Bộ	2	
50	Khuôn trụ đúc mẫu bê tông: 15x30	Chiếc	9	
51	Khuôn đúc xi măng 2x2 cm	Bộ	2	
52	Bàn cân thủy tĩnh	Chiếc	1	
53	Máy cắt phẳng	Bộ	1	
54	Máy nén tam liên	Bộ	1	
55	Gá uốn mẫu xi măng	Bộ	1	
56	Gá nén mẫu xi măng	Bộ	1	
57	Hộp đo độ ẩm	Bộ	50	
58	Thiết bị thử cường độ bê tông (súng bật nẩy)	Chiếc	2	
59	Kích thủy lực đo E	Chiếc	1	
60	Kích thủy lực 300 tấn; 500 tấn + Bộ nén tĩnh	Bộ	2	
61	Tấm ép phẳng đo modun đàn hồi kết cấu mặt đường	Bộ	1	
62	Cần bekerman	Chiếc	1	
63	Máy siêu âm bê tông	Bộ	1	
64	Máy siêu âm định vị cốt thép	Bộ	1	
65	Thước kẹp	Chiếc	3	
66	Thước đo hàm lượng thoi dẹt của cốt liệu lớn	Chiếc	1	
67	Máy đo điện trở chống sét	Bộ	2	

68	Khuôn copping mẫu khoan	Bộ	3	
69	Tủ sấy vật liệu	Chiếc	2	
70	Tủ nung	Chiếc	1	
71	Kính lúp xác định vết nứt bê tông	Chiếc	1	
72	Thiết bị siêu âm khuyết tật kỷ thuật số cầm tay (Máy siêu âm đường hàn)	Bộ	1	
73	Bảng màu chuẩn	Bảng	1	
74	Máy loss Angeless	Bộ	1	
75	Bộ dụng cụ đo độ nhám mặt đường	Bộ	1	
76	Thước 3m (Kiểm tra độ phẳng mặt đường)	Bộ	1	
77	Thiết bị thử thấm đất:	Bộ	3	
78	Thiết bị thí nghiệm độ giản dài nhựa đường	Bộ	1	
79	Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa của nhựa đường	Bộ	1	
80	Khuôn Marshall	Bộ	1	
81	Máy đầm nén Marshall	Chiếc	2	
82	Thùng ổn nhiệt Marshall	Chiếc	3	
83	Máy nén Marshall	Chiếc	2	
84	Máy quay li tâm (Chiết nhựa đường)	Chiếc	2	
85	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng, bảo hòa nước của bê tông nhựa	Bộ	1	
86	Bơm chân không.	Bộ	1	
87	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	1	
88	Cốc thủy tinh chịu nhiệt dung tích 500ml	Chiếc	5	
89	Bình tam giác thủy tinh dung tích 500ml	Chiếc	5	
90	Cốc thủy tinh có mỏ dung tích 1000ml	Chiếc	5	
91	Bình thí nghiệm khối lượng riêng của xi măng	Chiếc	3	
92	Bộ thí nghiệm xác định hàm lượng nhựa - nước	Bộ	1	
93	Thiết bị thí nghiệm nhiệt độ bắt lửa của nhựa	Bộ	1	
94	Dụng cụ thí nghiệm nhiệt độ hóa mềm nhựa:	Bộ	1	
95	Bộ thí nghiệm chưng cất nhựa:	Bộ	1	
96	Nhớt kế Saybolt :	Bộ	1	
97	Thiết bị xác định tổn thất nhựa	Chiếc	1	
98	Thiết bị khoan lấy mẫu bê tông từ cấu kiện (Máy bàn)	Chiếc	3	
99	Thiết bị kiểm tra dung trọng/ Đầm chặt đất ngoài hiện trường (máy điện tử EDG)	Bộ	1	
100	Bộ thiết bị cắt cánh	Bộ	1	
101	Bộ thiết bị xuyên tĩnh	Bộ	1	
102	Máy khoan địa chất + dàn + ống khoan + lưỡi khoan	Bộ	1	
103	Máy trộn bê tông	Chiếc	2	
104	Máy toàn đạc điện tử: R- 435 NV của nhật	Chiếc	1	
105	Bộ tháo mẫu đất	Bộ	1	
106	Bàn nâng	Chiếc	1	

107	Máy phát điện động cơ Diezen	Chiếc	1	
108	Thiết bị thử độ chống thấm bê tông và các phụ kiện kèm theo	Bộ	1	
109	Máy mài mòn gạch lát, gạch không nung	Bộ	1	
110	Máy kiểm tra độ bám dính theo phương pháp nhổ giật Proceq	Bộ	1	
111	Búa thử cường độ vữa Proceq	Bộ	1	
112	Máy đo khoảng cách Leica	Chiếc	1	
113	Ống đong thủy tinh dung tích: 1000ml	Chiếc	11	
114	Bình tỷ trọng thủy tinh dung tích: 100ml	Chiếc	12	
115	Bộ kim lún nhựa đường bán tự động, chỉ thị số Matest	Bộ	1	
116	Máy đo đa chỉ tiêu nước ph/mv/ độ dẫn/độ mặn/ oxi hòa tan /nhiệt độ cầm tay và dây điện cực dài 3 mét và các phụ kiện kèm theo	Bộ	1	
117	Thiết bị thử độ nhớt của nhựa đường	Bộ	1	
118	Máy siêu âm cọc khoan nhồi và các phụ kiện kèm theo	Bộ	1	
119	Kích nén tĩnh cọc 500 tấn	Chiếc	4	
120	Bơm thủy lực loại bơm điện Larzep và các phụ kiện kèm theo	Bộ	1	
121	Đồng hồ so 50mm Mitutoyo	Chiếc	4	
122	Gá từ cho đồng hồ so Mitutoyo	Chiếc	4	
123	Dầm chất tải thí nghiệm đến 2000 tấn	Bộ	1	
124	Bộ khoan rút lõi bê tông Eibenstock bao gồm máy chính và bộ mũi khoan	Bộ	1	
125	Máy khoan rút lỏi bê tông (Máy bàn chạy xăng)	Chiếc	1	
126	Máy đầm CBR/PROTOR tự động	Bộ	1	
127	Thân cối đầm cải tiến dùng cho máy đầm CBR/PROTOR tự động	Cái	5	
128	Thân cối đầm tiêu chuẩn dùng cho máy đầm CBR/PROTOR tự động	Cái	5	
129	Thiết bị đo áp lực đường ống	Bộ	1	
130	Bộ thí nghiệm đo CBR tại hiện trường	Bộ	1	
131	Bộ máy khoan UKB 12/25, VN, gắn động cơ xăng 4 mã lực. Máy khoan bằng guồng xoắn và các phụ kiện kèm theo.	Bộ	1	
132	Máy cắt bàn (Cắt thép, bê tông)	Chiếc	2	
133	Máy khoan đục	Chiếc	1	

Ghi chú:

- *Danh mục trên chưa bao gồm hệ thống sàng, thước, ...và hệ thống máy móc, trang thiết bị phụ trợ khác*
- *Các loại máy móc, thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng và kiểm định/ hiệu chuẩn định kỳ đúng quy định đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt.*

2.3 Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên

STT	Họ và Tên	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ/ chứng nhận nghiệp vụ	Công việc được giao	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Dũng	Cử nhân ngành địa chất	- Chứng chỉ QLPTN - Chứng chỉ TNV: Cơ lý đất, VLXD, chống sét, thí nghiệm độ toàn vẹn của cọc, kiểm định các công trình xây dựng.	Trưởng phòng thí nghiệm	
2	Nguyễn Thái Quỳnh	Kỹ sư xây dựng	- Chứng chỉ QLPTN - Chứng chỉ TNV VLXD, bê tông, bê tông nhựa, thí nghiệm độ toàn vẹn của cọc, kiểm định các công trình xây dựng.	Phó phòng thí nghiệm	
3	Trần Mạnh Hùng	Kỹ sư vật liệu xây dựng	- Cơ lý đất, VLXD, chống sét, thí nghiệm độ toàn vẹn của cọc, kiểm định các công trình xây dựng.	Thí nghiệm viên	
4	Trần Thị Mai Hương	Kỹ sư xây dựng	- Chứng chỉ TNV: Cơ lý vật liệu xây dựng	Thí nghiệm viên	
5	Phan Từ Giang	Kỹ sư hoá Silic	- Chứng chỉ TNV: PP xác định tính chất cơ bản của Đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường	Thí nghiệm viên	
6	Nguyễn Khắc Hiếu	Cử nhân ngành địa chất	- Chứng chỉ TNV: Cơ lý vật liệu xây dựng tính chất cơ bản của Đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường	Thí nghiệm viên	

Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Hà Tĩnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; Tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo.Cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của Pháp luật có liên quan./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH HÀ TĨNH
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HÀ TĨNH

Trần Sỹ Vĩnh